

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN KÉO DÀI NĂM 2024 SANG NĂM 2025)
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG ĐẮK CẨM

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Đắk Cẩm)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Đơn vị	DỰ TOÁN NĂM 2025					Thực hiện đến ngày 30/6/2025					Dự toán còn lại					Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW		NSDP		Tổng cộng	NSTW		NSDP		Tổng cộng	NSTW		NSDP		
			KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	
	TỔNG CỘNG	1.799,930	1.168,000	427,705	148,000	56,225	116,430	114,100	2,330	0,000	-	1.683,500	1.053,900	425,375	148,000	56,225	
I	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	80,000	40,000	0,000	40,000	0,000	40,00	40,00	-		-	40,00	-	-	40,00	-	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	70,000	35,000	-	35,00	-	35,00	35,00	-		-	35,00	-	-	35,00	-	
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	10,000	5,000	-	5,00	-	5,00	5,00	-		-	5,00	-	-	5,00	-	
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	445,005	250,000	154,005	26,000	15,000	74,100	74,100	-		-	370,905	175,900	154,005	26,000	15,000	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	311,000	129,000	154,000	13,000	15,000						311,000	129,000	154,000	13,000	15,000	
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	134,005	121,000	0,005	13,000	-	74,100	74,100				59,905	46,900	0,005	13,000	-	
III	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1.274,925	878,000	273,700	82,000	41,225	2,330	-	2,330		-	1.272,595	878,000	271,370	82,000	41,225	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1.085,225	740,000	251,000	68,000	26,225	-	0,000	0,0			1.085,225	740,000	251,000	68,000	26,225	
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	189,700	138,000	22,700	14,000	15,000	2,330	0,000	2,330		0,0	187,370	138,000	20,370	14,000	15,000	

Phụ lục 01

HỢP NHẤT NGUỒN KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN KÉO DÀI NĂM 2024 SANG NĂM 2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Đắk Cấm)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung, hoạt động	TỔNG SỐ	Dự toán trong năm 2025						Thực hiện đến ngày 30/6/2025						Dự toán còn lại						Ghi chú		
			NSTW		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Vốn đối ứng ngân sách xã		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng		Vốn đối ứng ngân sách xã		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng			Vốn đối ứng ngân sách xã	
			KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn
A	Tổng 03 xã phường (cũ)	80,000	40,000	-	-	-	40,000	-	40,000	40,000	-	-	-	-	-	40,000	-	-	-	-	40,000	-	
I	Phường Ngô Mây (cũ)	-	-																				
II	Phường Duy Tân (cũ)	-	-																				
III	Xã Đắk Cấm (cũ)	80,000	40,000	-	-	-	40,000	-	40,000	40,000	-	-	-	-	-	40,000	-	-	-	-	40,000	-	
1	Đẩy mạnh đa dạng, hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào cả nước thi đua XD NTM	10,000	5,000				5,000		5,000	5,000						5,000	-	-	-	-	5,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW
2	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp	10,000	5,000				5,000		5,000	5,000						5,000	-	-	-	-	5,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW
3	Nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	60,000	30,000				30,000		30,000	30,000						30,000	-	-	-	-	30,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW
B	Tổng phường Đắk Cấm (mới)	80,000	40,000	-	-	-	40,000	-	40,000	40,000	-	-	-	-	-	40,000	-	-	-	-	40,000	-	
1	Đẩy mạnh đa dạng, hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào cả nước thi đua XD NTM	10,000	5,000				5,000		5,000	5,000						5,000	-	-	-	-	5,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW
2	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp	10,000	5,000				5,000		5,000	5,000						5,000	-	-	-	-	5,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW
3	Nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	60,000	30,000				30,000		30,000	30,000						30,000	-	-	-	-	30,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW

Phụ lục 02

HỢP NHẤT NGUỒN KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN KÉO DÀI NĂM 2024 SANG NĂM 2025)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Đắk Cấm)

ĐVT: triệu đồng																							
STT	Nội dung, hoạt động	TỔNG SỐ	Dự toán trong năm 2025						Thực hiện đến ngày 30/6/2025						Dự toán còn lại						Ghi chú		
			NSTW		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Vốn đối ứng ngân sách xã		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng		Vốn đối ứng ngân sách xã		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng			Vốn đối ứng ngân sách xã	
			KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn
A	Tổng 03 xã phường (cũ)	445,005	250,000	154,005	-	15,000	26,000	-	74,100	74,100	-	-	-	-	-	370,905	175,900	154,005	-	15,000	26,000	-	
I	Phường Ngô Mây (cũ)	445,005	250,000	154,005	-	15,000	26,000	-	74,100	74,100	-	-	-	-	-	370,905	175,900	154,005	-	15,000	26,000	-	
1	Dự án 1: Giải quyết trình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất	12,000		12,000					-							12,000	-	12,000	-	-	-	-	
2	Dự án 3	299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000		-	-	-					299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS	299,000	129,000	142,000		15,000	13,000		-							299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	
3	Dự án 4	71,000	64,000	-	-	-	7,000	-	64,000	64,000	-	-	-	-	-	7,000	-	-	-	-	7,000	-	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	71,000	64,000				7,000		64,000	64,000						7,000	-	-	-	-	7,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	63,005	57,000	0,005			6,000		10,100	10,100						52,905	46,900	0,005	-	-	6,000	-	
II	Phường Duy Tân (cũ)	-	-	-	-	-	-	-															
III	Xã Đắk Cấm (cũ)	-	-	-	-	-	-	-															
B	Tổng phường Đắk Cấm (mới)	445,005	250,000	154,005	-	15,000	26,000	-	74,100	74,100	-	-	-	-	-	370,905	175,900	154,005	-	15,000	26,000	-	
1	Dự án 1: Giải quyết trình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất	12,000		12,000					-							12,000	-	12,000	-	-	-	-	
2	Dự án 3	299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000		-	-	-					299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS	299,000	129,000	142,000		15,000	13,000		-							299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	
3	Dự án 4	71,000	64,000	-	-	-	7,000	-	64,000	64,000	-	-	-	-	-	7,000	-	-	-	-	7,000	-	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	71,000	64,000				7,000		64,000	64,000						7,000	-	-	-	-	7,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW

4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	63,005	57,000	0,005			6,000		10,100	10,100						52,905	46,900	0,005	-	-	6,000	-	
---	---	--------	--------	-------	--	--	-------	--	--------	--------	--	--	--	--	--	--------	--------	-------	---	---	-------	---	--

Phụ lục 03

HỢP NHẤT NGUỒN KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN KÉO DÀI NĂM 2024 SANG NĂM 2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Đắk Cấm)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung, hoạt động	TỔNG SỐ	Dự toán trong năm 2025						Thực hiện đến ngày 30/6/2025						Dự toán còn lại						Ghi chú		
			NSTW		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Vốn đối ứng ngân sách xã		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng		Vốn đối ứng ngân sách xã		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng			Vốn đối ứng ngân sách xã	
			KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn
A	Tổng 03 xã phường (cũ)	1.274,925	878,000	273,700	-	36,143	82,000	5,082	2,330	-	2,330	-	-	-	-	1.272,595	878,000	271,370	-	36,143	82,000	5,082	
I	UBND phường Duy Tân (cũ)	101,581	74,000	15,437	-	7,143	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-	101,581	74,000	15,437	-	7,143	5,000	-	
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
2	Dự án 3	70,437	43,000	15,437	-	7,000	5,000	-	-	-	-					70,437	43,000	15,437	-	7,000	5,000	-	
2.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	70,437	43,000	15,437		7,000	5,000		-							70,437	43,000	15,437	-	7,000	5,000	-	
3	Dự án 4	-		-		-			-							-	-	-	-	-	-	-	
3.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
3.2	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
4	Dự án 6	5,000	5,000	-	-	-			-	-	-					5,000	5,000	-	-	-	-	-	
4.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
4.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	5,000	5,000						-							5,000	5,000	-	-	-	-	-	
5	Dự án 7	26,143	26,000	-		0,143			-	-	-					26,143	26,000	-	-	0,143	-	-	
5.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	18,143	18,000			0,143			-							18,143	18,000	-	-	0,143	-	-	
5.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	8,000	8,000						-							8,000	8,000	-	-	-	-	-	
II	UBND phường Ngõ Mây (cũ)	633,302	321,000	253,302	-	29,000	30,000	-	-	-	-	-	-	-	-	633,302	321,000	253,302	-	29,000	30,000	-	
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	556,000	253,000	251,000		26,000	26,000		-							556,000	253,000	251,000	-	26,000	26,000	-	
2	Dự án 3	46,302	37,000	2,302		3,000	4,000	-	-	-	-	-	-	-	-	46,302	37,000	2,302	-	3,000	4,000	-	
2.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	-							-							-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	46,302	37,000	2,302		3,000	4,000		-							46,302	37,000	2,302	-	3,000	4,000	-	
3	Dự án 4	-							-							-	-	-	-	-	-	-	

3.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khẩn	-						-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	-						-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Dự án 6	5,000	5,000	-	-	-			-	-	-				5,000	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	-						-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	5,000	5,000					-							5,000	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Dự án 7	26,000	26,000	-	-	-	-	-	-	-	-				26,000	26,000	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	18,000	18,000					-							18,000	18,000	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	8,000	8,000					-							8,000	8,000	-	-	-	-	-	-	-	-
III	UBND xã Đắk Cấm (cũ)	540,042	483,000	4,960	-	-	47,000	5,082	2,330	-	2,330	-	-	-	537,712	483,000	2,630	-	-	47,000	5,082			
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	279,082	253,000				26,000	0,082	-						279,082	253,000	-	-	-	26,000	0,082			
2	Dự án 3	229,960	199,000	4,960		-	21,000	5,000	2,330	-	2,330	-	-	-	227,630	199,000	2,630	-	-	21,000	5,000			
2.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	172,000	156,000				16,000		-						172,000	156,000	-	-	-	16,000	-			
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	57,960	43,000	4,960			5,000	5,000	2,330		2,330				55,630	43,000	2,630	-	-	5,000	5,000			
3	Dự án 4	-		-		-			-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khẩn	-							-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	-							-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Dự án 6	5,000	5,000	-		-			-	-	-				5,000	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	-							-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	5,000	5,000						-						5,000	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Dự án 7	26,000	26,000	-	-	-			-	-	-				26,000	26,000	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	18,000	18,000						-						18,000	18,000	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	8,000	8,000						-						8,000	8,000	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Tổng phường Đắk Cấm (mới)	1.274,925	878,000	273,700	-	36,143	82,000	5,082	2,330	-	2,330	-	-	-	1.272,595	878,000	271,370	-	36,143	82,000	5,082	-		
1	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	835,082	506,000	251,000	-	26,000	52,000	0,082	-	-	-	-	-	-	835,082	506,000	251,000	-	26,000	52,000	0,082	-		
2	Dự án 3	346,700	279,000	22,700	-	10,000	30,000	5,000	2,330	-	2,330	-	-	-	344,370	279,000	20,370	-	10,000	30,000	5,000			
2.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	172,000	156,000	-	-	-	16,000	-	-	-	-	-	-	-	172,000	156,000	-	-	-	16,000	-			
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	174,700	123,000	22,700	-	10,000	14,000	5,000	2,330	-	2,330	-	-	-	172,370	123,000	20,37	-	10,000	14,000	5,000			
3	Dự án 4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

3.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3.2	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Dự án 6	15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000	15,000	-	-	-	-	-	
4.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000	15,000	-	-	-	-	-	
5	Dự án 7	78,143	78,000	-	-	0,143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	78,143	78,000	-	-	0,143	-	-	
5.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	54,143	54,000	-	-	0,143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54,143	54,000	-	-	0,143	-	-	
5.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	24,000	24,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24,000	24,000	-	-	-	-	-	

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Đắk Cầm)

STT	Nội dung, hoạt động	TỔNG SỐ	Dự toán trong năm 2025						Thực hiện đến ngày 30/6/2025						Dự toán còn lại						Ghi chú		
			NSTW		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Vốn đối ứng ngân sách phường		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng ngân sách		Vốn đối ứng ngân sách		Tổng số	NSTW		Vốn đối ứng ngân sách tỉnh			Vốn đối ứng ngân sách phường	
			KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn	KH 2025	Vốn chuyển nguồn		KH 2025	Vốn chuyển nguồn
	TỔNG SỐ	1.799,930	1.168,000	427,705	-	51,143	148,000	5,082	116,430	114,100	2,330	-	-	-	-	1.683,500	1.053,900	425,375	-	51,143	148,000	5,082	
I	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	80,000	40,000	-	-	-	40,000	-	40,000	40,000	-	-	-	-	-	40,000	-	-	-	-	40,000	-	
1	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới	10,000	5,000	-	-	-	5,000	-	5,000	5,000	-	-	-	-	-	5,000	-	-	-	-	5,000	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	10,000	5,000				5,000		5,000	5,000						5,000	-				5,000		Đã thực hiện vốn NSTW
2	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp	10,000	5,000	-	-	-	5,000	-	5,000	5,000	-	-	-	-	-	5,000	-	-	-	-	5,000	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	10,000	5,000				5,000		5,000	5,000						5,000	-				5,000		Đã thực hiện vốn NSTW
3	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu - thôn điểm NRM ở vùng ĐBDTTS	60,000	30,000	-	-	-	30,000	-	30,000	30,000	-	-	-	-	-	30,000	-	-	-	-	30,000	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	60,000	30,000				30,000		30,000	30,000						30,000	-	-	-	-	30,000	-	Đã thực hiện vốn NSTW
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	445,005	250,000	154,005	-	15,000	26,000	-	74,100	74,100	-	-	-	-	-	370,905	175,900	154,005	-	15,000	26,000	-	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất	12,000	-	12,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,000	-	12,000	-	-	-	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	12,000		12,000					-							12,000	-	12,000	-	-	-	-	
2	Dự án 3	299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	-	-	-	-	-	-	-	299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quỳ, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS	299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	-	-	-	-	-	-	-	299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	299,000	129,000	142,000		15,000	13,000		-	-	-	-	-	-	-	299,000	129,000	142,000	-	15,000	13,000	-	
3	Dự án 4	71,000	64,000	-	-	-	7,000	-	64,000	64,000	-	-	-	-	-	7,000	-	-	-	-	7,000	-	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	71,000	64,000	-	-	-	7,000	-	64,000	64,000	-	-	-	-	-	7,000	-	-	-	-	7,000	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	71,000	64,000		-		7,000		64,000	64,000		-				7,000	-				7,000		Đã thực hiện vốn NSTW
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	63,005	57,000	0,005	-	-	6,000	-	10,100	10,100	-	-	-	-	-	52,905	46,900	0,005	-	-	6,000	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	63,005	57,000	0,005			6,000		10,100	10,100						52,905	46,900	0,005	-	-	6,000	-	
III	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1.274,925</																					

3.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phòng Văn hoá - Xã hội	-							-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	
3.2	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phòng Văn hoá - Xã hội	-							-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Dự án 6	15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	
4.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	-	-		-				-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Phòng Văn hoá - Xã hội	-	-		-				-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	
4.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	
	Phòng Văn hoá - Xã hội	15,000	15,000	-				-	-	-	-	-	-			15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	
5	Dự án 7	78,143	78,000	-	-	0,143	-	-	-	-	-	-	-			78,143	78,000	-	-	0,143	-	-		
5.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	54,143	54,000	-	-	0,143	-	-	-	-	-	-	-			54,143	54,000	-	-	0,143	-	-		
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	54,143	54,000	-		0,143	-	-	-	-	-	-	-			54,143	54,000	-	-	0,143	-	-		
5.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	24,000	24,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			24,000	24,000	-	-	-	-	-		
	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	24,000	24,000	-	-			-	-	-	-	-	-			24,000	24,000	-	-	-	-	-		